TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-02-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Lanh.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Huỳnh Hồng**.
2. Ông **Nguyễn Văn Móm Em**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Ngô Thị Quyên -** Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Mỹ Hạnh – Kiểm sát viên**.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 699/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017, về tranh chấp *"ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXX-ST ngày 24 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị A** – sinh ngày 02/11/1984 (có mặt).

Trú tại: khu A, xã B, huyện L, tỉnh P.

2. *Bị đơn*: Anh **Dương Minh L**– sinh ngày 18/01/1985 (vắng mặt).

Trú tại: ấp A, Thị Trấn B, huyện C, tỉnh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/11/2017 tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Dương Minh L do quen biết tự tìm hiểu nhau khoảng 02 năm được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị Trấn B, huyện C vào ngày 14/10/2005.

Sau ngày cưới chị và anh L cùng nhau đi làm công nhân tại Thành Phố F. Vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẩn.

Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cải, nên chị không chịu đựng được hoàn cảnh như vậy nên vào năm 2007 chị đã về nhà cha mẹ ruột chị tại khu A, xã B, huyện L, tỉnh P sống cho đến nay.

Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Dương Minh L.

- Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung tên Dương Minh D sinh ngày 13/12/2006. Hiện nay cháu D đang sống với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Dương Minh L đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng, anh L biết chị A khởi kiện yêu cầu ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm nhưng anh L không đến để tham gia phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa. Xét việc vắng mặt của anh L không gây trở ngại cho việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung vụ án:

Trình tự tố tụng: thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giải quyết vụ án đã đã được Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật.

Trình tự tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ kiện: xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị A là có cơ sở để chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 năm 2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Dương Minh L.

- Về con chung: có một con chung tên Dương Minh D, sinh ngày 13/12/2006. Hiện nay con chung đang sống với chị A, chị A yêu cầu nuôi con, anh L vắng mặt, cháu D có nguyện vọng sống với chị A nên giao cháu D cho chị A nuôi dưỡng, chị A không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Nguyễn Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét .

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) .

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện ngày 27/11/2017, Giấy trích lục kết hôn (bản sao); Trích lục giấy khai sinh (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao).

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân giữa chị và anh Dương Minh L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Dương Minh L vắng mặt, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh L nhưng anh L cũng không đến. Nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh Dương Minh L tự tìm hiểu quen biết nhau khoảng 02 năm được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị Trấn B vào ngày 14/10/2005 nên quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh L là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo chị A trình bày thì anh chị sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên chị về nhà cha mẹ ruột của chị sống từ năm 2007 cho đến nay, chị A cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh L, anh L vắng mặt nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị A.

Về con chung: Có một người con chung tên Dương Minh D sinh ngày 13/12/2006. Hiện nay đang sống với chị A, sau khi ly hôn chị A yêu cầu nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, nguyện vọng của cháu D cũng muốn được sống với chị A, anh L vắng mặt nên giao cháu D cho chị A nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Dương Minh L vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Dương Minh L vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị A.

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Dương Minh L.

Về con chung: Có một con chung tên Dương Minh D – sinh ngày 13 tháng 12 năm 2006. Giao cháu Dương Minh D cho chị Nguyễn Thị A nuôi dưỡng. Anh Dương Minh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Dương Minh L vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Dương Minh L vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chị Nguyễn Thị A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Nguyễn Thị A đã nộp theo biên lai thu số N^{0} 0008495, ngày 27/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Nguyễn Thị A đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/02/2018), để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND thị trấn B
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh